

## TÁC ĐỘNG CỦA VIỆN TRỢ MỸ ĐẾN KINH TẾ MIỀN NAM VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1954-1960

NGUYỄN VŨ THU PHƯƠNG\*

### TÓM TẮT

*Bài viết tập trung nghiên cứu ảnh hưởng của Mỹ đối với kinh tế miền Nam Việt Nam trước năm 1954; Viện trợ của Mỹ ảnh hưởng đến kinh tế miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1960 và những chuyển biến kinh tế - xã hội miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954 - 1960.*

**Từ khóa:** tác động của viện trợ Mỹ, miền Nam, Việt Nam Cộng hòa, kinh tế, ảnh hưởng.

### ABSTRACT

***The impacts of American aid on South Vietnam's economy in the period of 1954-1960***

*The article focusses on studying the impacts of American aid on South Vietnam's economy before 1954 and during the period of 1954-1960; as well as the social-economic transformation in South Vietnam during the period of 1954-1960.*

**Keywords:** Impact of American aid, Southern, the Republic of Vietnam, economy, impact.

### 1. Đặt vấn đề

Kể từ sau Chiến tranh thế giới II, nhằm củng cố vị thế siêu cường số một thế giới, đồng thời thiết lập ảnh hưởng cả về chính trị, kinh tế lẫn quân sự trên phạm vi toàn cầu, Hoa Kỳ đã xúc tiến mạnh mẽ việc thực hiện chính sách viện trợ quân sự và kinh tế cho nhiều quốc gia. Hoa Kỳ đã lập một cơ quan chuyên trách, phụ trách vấn đề viện trợ là Cơ quan phát triển quốc tế Hoa Kỳ (United States Agency for International Development - viết tắt là USAID). Đây là cơ quan chủ chốt trong việc lập kế hoạch và phân phối nguồn viện trợ. Các nước nhận viện trợ phải tuân theo các đạo luật, điều khoản, các thủ tục phức tạp để được xem xét, cho phép và thực hiện viện trợ.

Dưới con mắt của các nhà chiến lược Hoa Kỳ thì Đông Nam Á nói chung, Việt Nam nói riêng có một vị trí đặc biệt trong việc thực hiện chiến lược toàn cầu của Hoa Kỳ. Năm 1948, với điểm 4 của Chương trình Truman, Hoa Kỳ mở rộng Kế hoạch viện trợ cho vùng Đông Nam Á. Từ đây, Hoa Kỳ đã bắt đầu một quá trình can thiệp ngày càng sâu rộng vào khu vực, trong đó đặc biệt là miền Nam Việt Nam, bằng nhiều phương thức khác nhau, trong đó đặc biệt là các khoản viện trợ khổng lồ với những động cơ chính trị gắn liền với những ý đồ chiến lược của Washington. Hoa Kỳ viện trợ cho Việt Nam Cộng hòa nhằm thực hiện mục tiêu chính trị, giúp Việt Nam Cộng hòa trong cuộc chiến tranh chống lại sự đe dọa của

\* ThS, Trường Đại học Sài Gòn; Email: nguyenvuthuphuong@gmail.com

chủ nghĩa cộng sản, mục tiêu phát triển kinh tế là mục tiêu thứ yếu. Bài viết sẽ đi sâu tìm hiểu những khoản viện trợ có ảnh hưởng trực tiếp đến kinh tế miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1960.

## **2. Ảnh hưởng của Mỹ đối với kinh tế miền Nam Việt Nam trước năm 1954**

### **2.1. Giai đoạn 1945-1950**

Sau Chiến tranh thế giới lần thứ II, Mỹ đã vươn lên thành đế quốc hùng mạnh về kinh tế, khẳng định vị trí của mình trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Bằng sức mạnh kinh tế, Mỹ đã ra sức củng cố vai trò của mình về chính trị, quân sự, nuôi mộng tưởng làm bá chủ thế giới và tìm cách hiện thực hóa bằng cách tiến hành thực hiện chiến lược toàn cầu chống phá phong trào cách mạng thế giới.

Lợi dụng tình trạng kinh tế suy sụp của các nước đế quốc ở Tây Âu sau chiến tranh, dưới chiêu bài “viện trợ để khôi phục kinh tế châu Âu”, một mặt Mỹ đã giải quyết cuộc khủng hoảng kinh tế thừa đang đe dọa nước Mỹ, mặt khác qua đó Mỹ xác lập sự thống trị của tư bản độc quyền Mỹ trong toàn bộ thế giới tư bản. Đối với những nước mà Mỹ coi là trở lực trên con đường phát triển của mình, Mỹ đều đề ra những đối sách chống phá.

Với Liên Xô, Mỹ thực hiện chính sách chiến tranh lạnh, vừa hòa hoãn, vừa đe dọa về quân sự, bao vây về kinh tế. Với các nước chậm phát triển, Mỹ dùng viện trợ kinh tế và kỹ thuật dưới chiêu bài “chống thực dân”, nhưng thực tế là thực hiện chính sách thực dân kiểu mới, hòng đánh phá phong trào cách mạng giải phóng dân tộc, giành giật thuộc địa và thị trường của các nước đế quốc khác, không

chế Mỹ La-tinh, nhảy vào Thổ Nhĩ Kỳ, Hi Lạp, nắm lấy Ix-ra-en ở Trung Cận Đông. Với Đông Dương, thì ngay cả trong Chiến tranh thế giới thứ II, Mỹ đã có mưu đồ hất cẳng thực dân Pháp để xâm chiếm Đông Dương, nhằm xây dựng một bàn đạp để phát triển thế lực của mình trên toàn Đông Nam Á.

Năm 1945 – Cách mạng tháng Tám thành công, khai sinh nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Sự kiện này không chỉ có ý nghĩa đối với dân tộc Việt Nam mà cả với phong trào giải phóng dân tộc ở Đông Nam Á, đồng thời là một đòn đánh chiến lược giáng vào chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa đế quốc. Sự kiện lịch sử đó đã khiến Việt Nam trở thành đầu mối quân sự có vị trí chiến lược hết sức quan trọng ở khu vực Đông Nam Á. Vì thế, Mỹ bắt đầu quan tâm nhiều hơn đến Việt Nam. Bằng nhiều thủ đoạn ngoại giao, Truman đã đưa quân đội Tưởng Giới Thạch vào miền Bắc Việt Nam và quân Anh vào Nam Việt Nam, dưới danh nghĩa “giám sát sự đầu hàng của Nhật”, thông qua hai “đồng minh” này mở đường cho Mỹ xâm nhập Đông Dương.

Từ năm 1946 đến năm 1950, quan hệ buôn bán giữa Mỹ và Đông Dương (vùng tạm chiếm) được đẩy mạnh hơn trước một bước. Trong thời gian 5 năm đó, Mỹ đã mua 10,1% tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu ở Đông Dương, riêng cao su lên đến 105.000 tấn, chiếm 98% giá trị hàng hóa của Mỹ mua ở Đông Dương. Về phía Mỹ, hàng hóa nhập vào Đông Dương có giảm hơn so với trước chiến tranh thế giới thứ hai: Bông vải chiếm: 9,3% số lượng vải nhập; sản phẩm dầu lửa chiếm

7,1%; phương tiện giao thông đường biển, đường sông và đường hàng không: 3,1% [4, tr.10].

Tính toàn bộ, hàng hóa của Mỹ chiếm 9,6% tổng giá trị hàng hóa nhập cảng của Đông Dương trong 5 năm từ 1946 đến 1950, mặc dù trong thời gian này, Pháp đẩy mạnh nhập cảng hàng hóa của chính quốc để phục vụ yêu cầu của chiến tranh. Sau khi Chiến tranh thế giới thứ II kết thúc, theo chỉ thị của Bộ Ngoại giao Mỹ, lãnh sự quán Mỹ ở Đông Dương rất quan tâm đến việc điều tra thu nhập những tài liệu kinh tế về Đông Dương, đặc biệt là về Việt Nam. Điều được Mỹ quan tâm nhiều hơn cả là nguồn khoáng sản ở Bắc Bộ. Ngoài ra, nhiều cơ quan và các phái đoàn Mỹ cũng nghiên cứu tình hình kinh tế, giao thông vận tải, hầm mỏ và thương mại của Việt Nam. Tư bản Mỹ cũng bắt đầu đặt cơ sở giao dịch, việc buôn bán với các thương gia Việt Nam được thuận lợi, dễ dàng. Năm 1950, tờ New York Times viết: “Đông Dương là miếng mồi đáng cho chúng ta đánh một ván bài lớn. Nó có thể xuất khẩu thiếc, tungstene, mangannese, than đỏ, gỗ, gạo, cao su, dừa, hạt tiêu và da thuộc. Cho đến trước Chiến tranh thế giới lần thứ II, lợi tức thu được ở Đông Dương đã tới khoảng 300 triệu đô-la hàng năm”. [4, tr.8]. Trong diễn văn đọc ngày 04-8-1953 tại Sealte, Tổng thống Eisenhower nói: “Nếu chúng ta mất Đông Dương thì khối lượng thiếc và tungstene mà chúng ta đánh giá rất cao sẽ không thuộc về tay chúng ta nữa. Chúng ta đang tìm cách nào rẻ tiền nhất để ngăn chặn điều bất hạnh đó có thể xảy đến, đó là việc mất

khả năng lấy được những thứ gì chúng ta muốn lấy từ số tài nguyên giàu có của Đông Dương và Đông Nam Á” [4, tr.8].

Nếu như trong thời gian trước, Mỹ mới chỉ khẳng định vị trí kinh tế của mình ở Đông Dương thì bước sang giai đoạn này, cùng với những biến đổi về mặt chính trị trên trường quốc tế - khi chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống thế giới, đó là sự kiện Việt Nam giành độc lập và đi theo con đường xã hội chủ nghĩa thì Mỹ bắt đầu khẳng định vị trí của mình trên lĩnh vực chính trị, quân sự hòng ngăn chặn chủ nghĩa xã hội bành trướng ở khu vực Đông Nam Á. Sức mạnh kinh tế trở thành bàn đạp nuôi dưỡng ý đồ của Mỹ về mặt chính trị và hiện thực hóa bằng chính sách quân sự.

## 2.2. *Giai đoạn 1950 - 1954*

Quyền lợi kinh tế của Mỹ ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng là quá rõ ràng, ẩn nấp sau quyền lợi về kinh tế là cả một mưu đồ chính trị thâm độc. Bước sang giai đoạn này (1950-1954), âm mưu biến Đông Dương – Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ ngày càng được bộc lộ rõ nét qua viện trợ của Mỹ cho Pháp. Ngày 08-5-1950, Tổng thống Truman chính thức quyết định viện trợ cho Pháp trong chiến tranh Đông Dương, theo “các tài liệu mật của Lầu năm góc, đó là ở Nam Việt Nam” [5, tr.22].

Tháng 12-1950, Mỹ kí với Pháp hiệp định viện trợ quân sự cho Pháp ở Đông Dương. Từ sau Hiệp định này, người Việt Nam ngày càng được nghe nói nhiều hơn đến “viện trợ của Mỹ”, ngày càng đụng chạm bằng xương, bằng

thịt với viện trợ Mỹ. Qua mỗi năm, viện trợ của Mỹ ngày một tăng nhanh chóng, dần dần nó trở thành nguồn cung cấp cho cuộc chiến tranh của Pháp. Theo tính toán của Pháp, viện trợ của Mỹ đã chiếm gần 80% chiến phí của Pháp, tổng cộng khoảng 1700 triệu đô-la. Trong tổng số 1700 triệu đô-la viện trợ Mỹ đó tuyệt đại bộ phận là vũ khí và dụng cụ chiến tranh. [4, tr.23]

Không chỉ viện trợ cho Pháp, Mỹ còn kí hiệp ước viện trợ trực tiếp cho Bảo Đại. Tháng 9-1952, Mỹ kí một hiệp ước với chính phủ Bảo Đại, gọi là “hiệp ước hợp tác kinh tế Việt – Mỹ”. Từ năm

1950-1954, Mỹ đã viện trợ cho chính phủ Bảo Đại 23 triệu đô-la hàng hóa và khoảng 36 triệu đô-la bằng tiền Việt Nam. Ngoài ra, Mỹ cũng viện trợ thẳng cho Bảo Đại khoảng 15 triệu đô-la vũ khí. Tổng số các loại viện trợ này khoảng 75 triệu đô-la. Với khoản viện trợ khổng lồ, Mỹ tin tưởng rằng sẽ nhanh chóng gạt ảnh hưởng của Pháp ra khỏi Việt Nam và Việt Nam sẽ nhanh chóng nằm trong vòng kiểm soát của Mỹ. [4, tr.26]

Dưới đây là bảng “viện trợ quân sự” và “viện trợ kinh tế kĩ thuật” từ năm 1950 đến năm 1954 của Mỹ cho Pháp.

Viện trợ quân sự			Viện trợ kinh tế và kĩ thuật	
Năm	Tỉ Frăng	Tỉ lệ so với chi phí chiến tranh ở Đông Dương	Năm	Đôla
1950-1951	170	13%	1950-1951	20.500.000
1952	218	38218%	1952	20.500.000
1953	265	45265%	1953	55.500.000
1954	420	74200%	1954	76.000.000

*Nguồn: [6, tr.267]*

Cũng trong thời gian này, Mỹ bắt đầu vơ vét nguyên liệu của Đông Dương. Có thể thấy rõ điều đó qua bảng số liệu về số lượng cao su xuất cảng sang Mỹ dưới đây:

Năm	Số lượng
1951	13.398 tấn
1952	20.08 tấn
1953	34.98 tấn
1954	34.28 tấn

*Nguồn: [6, tr.297]*

Ngoài ra, Mỹ còn ép Pháp để cho tư bản lũng đoạn Mỹ đầu tư vào Đông Dương. Tháng 6-1950, ngoại trưởng Pháp Lơ-tuốc-nô tại Hội nghị Hoa Thịnh Đốn đã kí một hiệp ước để Mỹ đầu tư vào khối Liên hiệp Pháp, Hiệp ước này mở đường cho tư bản tư nhân Mỹ “thò tay” vào Đông Dương: Công ti hàng không liên Mỹ Đông Dương; Công ti Mác-két (Marquet) nắm mỏ chì, mỏ thiếc; Công ti Moocgang (Morgan) nắm điện thoại...

Viện trợ Mỹ thâm tới đâu thì bàn tay Mỹ nhúng tới đó, quyền và lợi của Pháp cũng bị cắn xé tới đó. Nhưng tình thế này buộc Pháp phải chấp nhận. Quân đội Việt Minh thì ngày càng lớn mạnh. Chiến tranh kéo dài và ngày càng tổn thất lớn. Nền tài chính Pháp kiệt quệ phải lệ thuộc Mỹ, và bị Mỹ chiếm lấy các quyền lợi. Tình cảnh của Pháp lúc này thật khôn quẩn. Trước mặt, đối phương càng đánh càng mạnh, càng đim Pháp sa lầy sâu hơn trong những thất bại ngày càng lớn.

Trong giai đoạn trước năm 1945, Mỹ chỉ quan tâm đến quyền lợi kinh tế ở Việt Nam. Sau năm 1945, cục diện thế giới thay đổi, Mỹ vươn lên khẳng định vị trí hàng đầu của mình trong hệ thống tư bản chủ nghĩa. Nhằm thực hiện âm mưu làm bá chủ thế giới, Mỹ đã đưa ra chiến lược toàn cầu phản cách mạng, Việt Nam trở thành một trong những tiêu điểm của Mỹ trong chiến lược này. Từ quyền lợi về kinh tế, Mỹ đã bắt đầu quan tâm đến quyền lợi về chính trị, quân sự; đặc biệt sau chiến dịch Việt Bắc Thu Đông (1947) thông qua hình thức viện trợ về kinh tế, Mỹ ngày càng lún sâu vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Ở giai đoạn này, viện

trợ của Mỹ cho Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng được thực hiện gián tiếp thông qua hình thức viện trợ cho Pháp. Và chính những khoản viện trợ này là thủ đoạn thâm độc Mỹ sử dụng để gạt dần ảnh hưởng của Pháp ở Việt Nam, một mình độc chiếm Đông Dương giai đoạn sau.

### **3. Viện trợ của Mỹ ảnh hưởng đến kinh tế miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954-1960**

Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ, Mỹ đã thiết lập trên một nửa lãnh thổ Việt Nam một chính quyền thân Mỹ. Năm 1955, Mỹ đưa Ngô Đình Diệm lên làm Thủ tướng. Năm 1956, Bảo Đại bị phế truất. Ngô Đình Diệm lên làm tổng thống. Họ hàng Ngô Đình Diệm và tay chân của Ngô Đình Diệm đã nắm các vị trí then chốt của chính quyền. Để nuôi dưỡng bộ máy chính quyền, đội ngũ tay sai thì việc quan trọng nhất là viện trợ. Tổng số viện trợ các loại của Mỹ cho Ngô Đình Diệm từ năm 1955 đến năm 1960 vào khoảng gần 2 tỉ đô-la. Tính trung bình, mỗi năm trên dưới 300 triệu đô-la. Viện trợ trong giai đoạn này có xu hướng giảm dần [4, tr.31]. Từ các năm 1959, 1960, viện trợ chỉ còn khoảng hơn 200 triệu đô-la. Nguyên nhân là trong thời kì 1957-1960 là thời kì tương đối ổn định của Mỹ - chính quyền Sài Gòn. Trong những năm 1958, 1959 không những Mỹ cắt giảm viện trợ mà còn có kế hoạch chuẩn bị khai thác và kinh doanh [4, tr.32]. Mỹ hi vọng giai đoạn bình định sẽ sớm kết thúc có thể chuyển dần sang khai thác và nhanh chóng kết thúc chiến tranh.

Trong giai đoạn này, chính quyền

Sài Gòn chưa tạo dựng được vị trí của mình trong lĩnh vực kinh tế vì hàng viện trợ phần lớn là hàng tiêu dùng trực tiếp. Số hàng viện trợ này, khi đem bán ra thị trường để lấy tiền cho ngân sách, cũng “thấm” một phần ra dân chúng, nhất là dân đô thị. Việc đó cũng tạo cho xã hội một bộ mặt phồn vinh. Tuy nhiên ở nông thôn, tình hình kinh tế vẫn không có sự tiến triển nào. Hàng viện trợ của Mỹ chưa “thấm” tới nông thôn là bao, người nông dân chưa tìm thấy ở người Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm một nguồn tiêu

thụ nông phẩm mạnh mẽ tới mức có thể cải thiện kinh tế của họ.

### 3.1. Viện trợ thương mại

Viện trợ thương mại là khoản viện trợ lớn nhất và quan trọng nhất trong các khoản viện trợ kinh tế khác. Khoản viện trợ này tương đối ổn định, viện trợ thương mại là cái phễu lớn, trút đều đặn nhất phần lớn hàng hóa vào miền Nam.

Dưới đây là bảng thống kê khối lượng viện trợ thương mại giai đoạn 1955-1961:

*Viện trợ thương mại Mỹ giai đoạn 1955-1961*

*Đơn vị: Triệu đô-la*

Năm	Khối lượng viện trợ
1955	323,6
1956	177,0
1957	233,0
1958	153,3
1959	146,4
1960	135,6
1961	112,2

*Nguồn: [5, tr.156-157].*

Thực chất viện trợ thương mại là cung cấp hàng hóa nhập khẩu vào miền Nam Việt Nam, thông qua đó tạo ra bộ phận quan trọng nhất trong nguồn thu ngân sách của chính quyền Sài Gòn. Tại sao Mỹ không cấp trực tiếp đô-la hay cấp thẳng hàng hóa cho chính quyền Sài Gòn mà lại thực hiện theo một cơ chế rắc rối và nhiều khâu như vậy? Nếu Mỹ trao thẳng đô-la cho chính quyền Sài Gòn thì chắc chắn chính quyền Sài Gòn sẽ lấy đô-la đó mua hàng hóa, bán lấy tiền và làm cơ sở để phát hành tiền bỏ vào ngân sách. Làm như vậy thì Mỹ mất đô-la thực sự.

Đồng đô-la viện trợ chạy qua tay chính quyền Sài Gòn ra nước ngoài. Hơn nữa, thị trường tiêu thụ ở miền Nam, nơi mà Mỹ phải đổ của cải và máu để chiếm lấy, sẽ không còn là nơi độc chiếm hàng hóa của Mỹ nữa. Mặt khác, hàng hóa của các công ti Mỹ sẽ có thêm cơ hội để tiêu thụ. Theo con đường viện trợ thương mại này, hàng hóa sẽ vào thẳng thị trường miền Nam một cách trơn tru, dễ dàng, không bị hàng rào thuế quan ngăn cản, có thể tính giá cao mà không bị hàng hóa các nước khác cạnh tranh. Bằng lối viện trợ thương mại, cơ quan viện trợ thương mại Mỹ

không cần biết số hàng “viện trợ” có tiêu thụ được không, khi đến kì hạn lại đưa hàng vào miền Nam, gây nên tình trạng ứ đọng hàng hóa ngày càng nghiêm trọng, bóp chết nền sản xuất.

Viện trợ thương mại là thủ đoạn để Mĩ trút hàng thừa ế vào miền Nam, làm cho miền Nam thành một thị trường tiêu thụ hàng hóa của Mĩ, của “đồng minh” Mĩ và để củng cố chính quyền Sài Gòn. Thông qua viện trợ và các cơ quan viện trợ, dựa vào chính quyền Sài Gòn, Mĩ hoàn toàn chi phối mọi hoạt động kinh tế miền Nam, biến miền Nam thành một khâu phụ thuộc vào nền kinh tế Mĩ, một thuộc địa Mĩ.

### 3.2. Viện trợ quân sự

*Viện trợ quân sự trực tiếp* là khoản viện trợ lớn nhất mà chính quyền Sài Gòn nhận được. Mĩ tiến hành chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, Mĩ cần xây dựng một đội quân hùng mạnh với đầy đủ trang thiết bị: súng, đạn, quần áo, mũ, giày... Tuy nhiên, ở nội dung này chúng tôi không đi sâu tìm hiểu Mĩ sẽ viện trợ quân sự trực tiếp như thế nào, viện trợ hàng năm ra sao mà chỉ tập trung xem xét số viện trợ đó đã tham gia vào đời sống kinh tế miền Nam Việt Nam như thế nào?

Trọng tâm của viện trợ Mĩ là chi phí quân sự để đàn áp phong trào cách mạng miền Nam Việt Nam. Cứ 10 đô-la viện trợ thì có 8 đô-la chi cho an ninh. 75% viện trợ chi cho ngân sách quân sự. Ngay viện trợ nông nghiệp, vận tải cũng đều tập trung xây dựng các công trình quân sự có ý nghĩa chiến lược quân sự rõ rệt như xa lộ Biên Hòa – Sài Gòn. Đội ngũ cố vấn từ 342 người lúc đầu lên tới

685 người cuối năm 1960, được tăng cường xuống mọi ngành, mọi cơ quan nhằm đảm bảo cho toàn bộ guồng máy được điều khiển thống nhất. Đến tháng 5-1959, hệ thống cố vấn đã triển khai xuống các tiểu đoàn bộ binh và các binh quân chủng, các căn cứ không quân và hải quân lớn như Đà Nẵng, Nha Trang, Biên Hòa, Tân Sơn Nhất. Từ giữa năm 1960, Mĩ bắt đầu đưa một bộ phận lực lượng đặc biệt của lực quân Mĩ tới Nam Việt Nam báo hiệu một bước can thiệp sâu hơn của Mĩ.

Mĩ đã dựng lên một bộ máy chính quyền với sự viện trợ và sự kèm cặp trực tiếp của cố vấn Mĩ, bộ máy đã hoạt động theo yêu cầu của Mĩ. Viện trợ đã tạo cho chính quyền Sài Gòn những đòn bẩy kinh tế và giữ vững quân đội thông qua việc ban hành chế độ lương bổng, phụ cấp, đãi ngộ... Từ năm 1961 trở đi, để thực hiện chiến lược mới, viện trợ quân sự tăng vọt nhưng Mĩ vẫn gặp những thất bại liên tiếp.

Bên cạnh đó còn có:

**Viện trợ nông phẩm:** Loại viện trợ này cũng được Mĩ xúc tiến tương đối nhanh, mạnh nhằm từng bước làm biến đổi đời sống nhân dân miền Nam. Miền Nam được biết đến như là vựa lúa lớn nhất cả nước, phong phú về chủng loại nhưng nay lại trở thành nơi tiếp nhận viện trợ của Mĩ, phụ thuộc hoàn toàn vào Mĩ, sản xuất nông nghiệp trong nước thì hoàn toàn ngưng trệ, người dân phải bỏ tiền túi của mình ra mua nông phẩm trong khi khả năng của mình có thể sản xuất được. Đây cũng chính là một chiêu bài kinh tế cực kì thâm độc của Mĩ hòng

cột chặt miền Nam Việt Nam.

**Viện trợ theo dự án** (còn được gọi là viện trợ kinh tế trực tiếp): Loại viện trợ này là một bộ phận rất quan trọng của viện trợ kinh tế. Có những năm lớn hơn viện trợ thương mại, nhưng tăng giảm thất thường. Từ năm 1954 đến 1961, viện trợ dự án chỉ vào khoảng vài chục triệu đô-la. Đó là khoản cung cấp trực tiếp tiền và của cho các dự án hoặc các chương trình của các ngành, các cấp không qua ngân sách chính quyền Sài Gòn. Bao gồm 4 loại: Dự án hành chính hay còn được gọi là dự án phục vụ cho chính sách khủng bố và đàn áp (đó là việc trang bị cho cảnh sát, xây dựng nhà tù...); dự án xã hội hay còn được gọi là dự án phục vụ cho các chiến dịch về chính trị (cải cách điền địa, tuyên truyền, xây dựng các nghiệp đoàn, các ấp chiến lược,...); dự án xây dựng các công trình gọi là cơ cấu hạ tầng (đường sá, cầu cống, sân bay, điện nước đài phát thanh-truyền hình,...); dự án phục vụ các chương trình kinh tế, văn hóa, xã hội... Hình thức viện trợ này đã làm thay đổi hệ thống cơ sở hạ tầng của miền Nam Việt Nam và tác động rất lớn đến nền kinh tế miền Nam trong giai đoạn này.

**Viện trợ cho vay:** Không giống như các khoản viện trợ khác, viện trợ cho vay chỉ xuất hiện trong một số năm. Trong thời kỳ này, Mỹ chỉ viện trợ từ 1954 - 1960, đây là thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, Mỹ tin tưởng rằng sẽ nhanh chóng kết thúc chiến tranh. Đây không phải là khoản viện trợ lớn so với tổng số viện trợ của Mỹ cho chính quyền Sài Gòn nhưng nó đã góp

phần đáng kể để chính quyền Sài Gòn xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng. Thủ đoạn thâm độc của Mỹ ở hình thức viện trợ này là Mỹ không trực tiếp cung cấp tiền cho chính quyền Sài Gòn mà lại được cấp dưới hình thức hiện vật tức là hàng hóa. Như vậy, Mỹ vừa giải quyết được số lượng hàng hóa trong nước vừa thắt chặt hơn miền Nam trong vòng kiểm soát của Mỹ.

Như vậy, miền Nam không tham gia sản xuất của cải vật chất cho xã hội những lại có một mặt xã hội phồn vinh, xa hoa. Viện trợ đã tác động rất lớn đối với nền kinh tế miền Nam: đó là các ngành công nghiệp, nông nghiệp và thông tin cơ sở hạ tầng. Tuy nhiên, trong giai đoạn 1954-1960, viện trợ Mỹ chưa đáng kể, đời sống kinh tế miền Nam chưa có sự thay đổi rõ nét. Giai đoạn này được nhắc đến là giai đoạn Mỹ ổn định bộ máy cai trị của mình ở miền Nam, và thực hiện chính sách “tố cộng, diệt cộng”, đàn áp phong trào quần chúng, trả thù cho những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở cách mạng ở miền Nam.

#### **4. Những chuyển biến kinh tế - xã hội miền Nam Việt Nam giai đoạn 1954 -1960**

##### **4.1. Những chuyển biến về kinh tế**

**Về công nghiệp:** Nền công nghiệp đã có những bước phát triển đáng kể: xuất hiện nhiều ngành nghề với số vốn đầu tư khá lớn, đặc biệt là ngành công nghiệp trong thời gian này được coi như là một bước đột phá trong công nghiệp miền Nam. Tuy nhiên, bên cạnh các mặt tích cực đó, nền công nghiệp miền Nam còn xuất hiện nhiều điểm yếu, đó là sự



tăng trưởng không đồng đều. Trong giai đoạn 1954-1956: công nghiệp còn nghèo nàn, với một số nhà máy của tư sản Pháp xây dựng từ thời thuộc địa được duy trì cầm chừng trong thời gian kháng chiến. Từ 1957 trở đi: sự viện trợ của Mỹ đối với một số dự án lại có thêm khoản tiền bồi thường chiến tranh của Nhật, những nhà tư sản công thương nghiệp di cư từ miền Bắc vào, mang theo vốn, kĩ thuật... tạo thành một nguồn lực để Ngô Đình Diệm đầu tư vào công nghiệp.

Công nghiệp miền Nam hoàn toàn do tư bản ngoại quốc lũng đoạn. Chính quyền Ngô Đình Diệm tuyệt đối không làm gì và cũng không thể làm gì để hạn chế địa vị lũng đoạn đó. Không những thế, Ngô Đình Diệm còn mở rộng cho tư bản Mỹ và tư bản ngoại quốc phe Mỹ xâm nhập vào miền Nam. Công nghiệp miền Nam là một nền công nghiệp hướng nội, sản xuất hàng hóa phục vụ thị trường nội địa. Công nghiệp không dùng xuất khẩu để tự nuôi nó và nuôi các ngành kinh tế khác, mà được nuôi bằng viện trợ nhập khẩu. Đặc điểm này cũng trở thành một vấn nạn của nền kinh tế quốc dân khi hết viện trợ.

**Về nông nghiệp:** Miền Nam đầy đủ các điều kiện tự nhiên để phát triển ngành

nông nghiệp. Thông qua hình thức “viện trợ theo dự án” cho chính quyền Sài Gòn, hàng năm, chính quyền Sài Gòn nhận được một khối lượng lớn thuốc trừ sâu, phân bón, giống mới để phát triển nông nghiệp. Thời kì này, do nguồn viện trợ dồi dào, miền Nam đã nhập khẩu rất nhiều máy móc các loại dùng trong nông thôn, như: máy cày tay cá nhân, máy xay xát, máy bơm nước... góp phần đáng kể giải phóng sức lao động của người dân, thay đổi tập quán sản xuất thủ công truyền thống lâu đời trong nông thôn. Đây là bước phát triển trong ngành nông nghiệp miền Nam. Đồng thời, đã áp dụng và sử dụng giống mới cho trồng lúa. Ngay từ năm 1955, Bộ Nông nghiệp Mỹ đã giúp Chính phủ Ngô Đình Diệm phát triển một số giống lúa lai tạo, cho năng suất cao và thời gian thu hoạch ngắn. Bên cạnh đó, ngành chăn nuôi cũng phát triển mạnh.

Trong sản xuất nông nghiệp, sản xuất thóc gạo và cao su là ngành sản xuất chủ yếu của kinh tế miền Nam. Trong nền kinh tế quốc dân, nó luôn chiếm tỉ lệ rất quan trọng. Theo tài liệu của tờ “Bách Khoa” xuất bản ở miền Nam thì tình hình sản xuất lúa gạo của miền Nam từ năm 1953-1958 như sau:

Năm	Diện tích cấy lúa (hecta)	Sản lượng (tấn)	Bình quân sản lượng (tạ)
1953-1954	1.540.000	1.975.840	12,8
1954-1955	1.572.400	1.977.420	12,5
1955-1956	2.296.800	2.828.900	12,3
1956-1957	2.625.138	3.514.621	13,3
1957-1958	2.657.524	3.174.000	11,9

Nguồn: [2, tr.7].

Cao su là loại nông phẩm có tầm quan trọng thứ hai sau lúa. Tuy nhiên, diện tích và sản lượng cao su qua các năm không đều nhau. Diện tích trồng cao su ở miền Nam trong giai đoạn 1955-1956 vào khoảng 69.350 hecta và nằm trong tay của 14 công ti: Công ti cao su đất đỏ (SIPR), Công ti cao su Viễn Đông (CEYO), Công ti Đông Dương trồng cao su (SJPH), Công ti Mitsolanh, Công ti cao su Tây Ninh, Công ti Đồng Nai, Công ti Xuân Lộc, Công ti cao su Phước Hòa... Tóm lại, nói về những mặt “được” trong nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa, trước hết phải nói đến việc hình thành một cơ chế thị trường khá năng động của miền Nam Việt Nam. Các hoạt động mua bán, giá cả, tỉ giá... luôn biến động theo quan hệ cung – cầu của thị trường: cầu quyết định cung, tiêu dùng quyết định sản xuất. Có thể nói, chưa có một thời kỳ nào mà hoạt động thương mại ở miền Nam Việt Nam lại sôi nổi và sầm uất đến thế, chưa có giai đoạn nào trong lịch sử mà hàng hóa lại phong phú, đa dạng và dễ mua như thế. Đặc biệt hơn, thị trường Sài Gòn thời kỳ này lại có sự tham gia của một nhân tố bất thường với một số lượng lớn, đó là lực lượng quân đội đóng cả hai vai trò người bán và người mua, đã góp phần quan trọng trong vòng sản xuất – lưu thông và tiêu dùng của miền Nam.

Viện trợ Hoa Kỳ mặc dù có tạo ra và giải quyết được một số vấn đề cấp bách mang tính chất giai đoạn, nhưng cũng làm phát sinh nhiều vấn đề và tạo ra những hậu quả tiêu cực cho nền kinh tế Việt Nam Cộng hòa. Nhiều yếu tố bất thường thể hiện rõ trong cơ cấu kinh tế, cơ cấu ngành kinh tế và ngân sách quốc gia. Trong nền

kinh tế Việt Nam, cán cân thương mại thường xuyên thiếu hụt, giá trị hàng hóa nhập khẩu chiếm tỉ lệ áp đảo so với giá trị hàng hóa xuất khẩu. Một quốc gia mà cán cân thương mại luôn trong tình trạng nhập siêu triền miên, hơn nữa lại không nhập những yếu tố khoa học, kỹ thuật, nguyên liệu cho sản xuất mà nhập những sản phẩm và đầu ra của nền sản xuất đã nói lên tính chất phụ thuộc nặng nề của nền thương mại Việt Nam Cộng hòa nói riêng và nền kinh tế Sài Gòn nói chung.

#### 4.2. Những hệ lụy đối với xã hội

Sự xâm nhập của Mĩ vào miền Nam Việt Nam và chính sách lệ thuộc Mĩ của chính quyền Ngô Đình Diệm đã làm đảo lộn nền kinh tế miền Nam. Bên cạnh những mặt tích cực thì vẫn còn những nét tiêu cực, làm ảnh hưởng đến nhân dân miền Nam, nhất là nhân dân lao động. “Tháng 11-1958, Nha Tổng giáo dục kế hoạch của chính quyền miền Nam đã thừa nhận ở miền Nam có tới 58% số dân đến tuổi lao động không có việc làm [6, tr.344]. Tờ “Tuần san phòng thương mại Sài Gòn ra hồi đầu năm 1959 viết: ‘Toàn miền Nam có trên 1 triệu rưỡi người thất nghiệp’”. Báo “Cách mạng quốc gia” - cơ quan ngôn luận chính thức của Ngô Đình Diệm cũng phải thừa nhận rằng: “càng ngày càng thêm ra những người không có công ăn việc làm”. Nạn thất nghiệp không ngừng tăng lên, dẫn tới chỗ tiền lương bị hạ thấp, trong khi giá sinh hoạt lại cao vượt lên. Đời sống nhân dân vô cùng cực khổ bởi hàng chục thứ thuế vô lí, bên cạnh đó là những tệ nạn xã hội: mại dâm, cờ bạc, nghiện hút... trở thành một hiện tượng phổ biến trong xã hội.

Sự có mặt của Mĩ ở miền Nam cùng

với những hoạt động của chúng trên hầu hết các phương diện đã làm cho xã hội miền Nam biến đổi sâu sắc. Thông qua viện trợ kinh tế, văn hóa Mỹ đã xâm nhập vào miền Nam, làm xã hội miền Nam điều đứng trên mặt trận văn hóa, lối sống.

### 5. Kết luận

Tóm lại, thời kì 1954-1960, viện trợ Mỹ còn ở mức thấp – trên hai trăm triệu đô-la mỗi năm. Đây là lúc Mỹ mới “mua” lại thuộc địa từ tay Pháp. Mỹ hi vọng sớm tạo ra một tình trạng ổn định để đi vào khai thác. Vì vậy, viện trợ có khuynh hướng giảm dần nhưng viện trợ của Mỹ cũng đã ảnh hưởng và có tác động rất lớn đến nền kinh tế Việt Nam lúc bấy giờ. Viện trợ Mỹ đối với miền Nam thực chất là một công cụ xâm lược. Về chính trị, nó là một sợi dây xích cột chặt chính quyền miền Nam vào Mỹ và biến chính quyền này thành tay sai đắc lực và trung thành của Mỹ ở miền Nam; Về quân sự, nó biến miền Nam thành một căn cứ chiến lược

của Mỹ ở Đông Nam Á; Về kinh tế, qua hình thức viện trợ, nó là một liều thuốc độc tiêm vào mạch máu của nền kinh tế miền Nam. Nhờ viện trợ của Mỹ mà chính quyền Sài Gòn có thể duy trì được bộ máy quan liêu, quân phiệt và cũng chính sự viện trợ của Mỹ mà nền kinh tế sản xuất đã dần bị bóp chết và phụ thuộc hoàn toàn vào Mỹ. Miền Nam biến thành một thị trường đầy ứ những hàng hóa của Mỹ; công nghiệp, nông nghiệp thì ngày càng đình trệ; nạn thất nghiệp diễn ra trầm trọng; đời sống của tầng lớp nhân dân ngày càng khó khăn. Có thể khẳng định, viện trợ Hoa Kỳ cho Sài Gòn như một con dao hai lưỡi, một mặt nó có vai trò rất lớn trong việc chống đỡ cho cả nền kinh tế, giúp cho nền kinh tế Sài Gòn không sụp đổ nhanh, bất chấp những yếu kém không thể bàn cãi; mặt khác, nó khiến cho cả xã hội ảo tưởng về khả năng của chính mình, ý lại vào viện trợ và không có khả năng tự đứng vững.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hà Văn Lâu (1960), *Miền Nam Việt Nam – căn cứ quân sự của đế quốc Mỹ*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
2. Hoàng Linh, Văn Tấn (1959), *Viện trợ Mỹ đã đưa kinh tế miền Nam đi đến đâu?*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
3. Nguyễn Anh Luân (1960), *Đế quốc Mỹ đang biến miền Nam Việt Nam thành pháo đài xâm lược ở Đông Nam Á*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội.
4. Đặng Phong (1991), *21 năm viện trợ của Mỹ*, Nxb Viện Nghiên cứu Khoa học thị trường giá cả, Hà Nội.
5. Đặng Phong (2004), *Kinh tế miền Nam Việt Nam thời kì 1955-1975*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
6. Bùi Công Trừng, Minh Chi, Quang Tình (1960), *Kinh tế Việt Nam 1945-1960*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
7. Nguyễn Khắc Viện (2008), *Miền Nam Việt Nam từ sau Điện Biên Phủ*, Nxb Trí thức, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 21-5-2014; ngày phản biện đánh giá: 13-6-2014; ngày chấp nhận đăng: 25-10-2014)